

Số: 120/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Trị, ngày 22 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 165/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: bà **Ngô Thị H**, sinh năm 1985; CCCD số: 045185000xxx; địa chỉ: số F đường T, khu phố I, phường N, tỉnh Quảng Trị.

- Bị đơn: ông **Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 1980; CCCD số: 045080000xxx; địa chỉ: số F đường T, khu phố I, phường N, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Ngọc L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Ngọc L thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: giao bà Ngô Thị H quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Nguyễn Ngọc Huyền T, sinh ngày 18/11/2010 và cháu Nguyễn Ngô Bảo K, sinh ngày 19/4/2016; ông Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Ngọc L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án tương ứng với số tiền chậm thi hành án, tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không thoả thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Ngọc L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí:

- Bà Ngô Thị H phải chịu số tiền 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002330 ngày 20/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5); bà Ngô Thị H được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng.

- Ông Nguyễn Ngọc L phải chịu số tiền 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 5 - Quảng Trị;
- Phòng THADS KV5, tỉnh Quảng Trị);
- UBND phường Nam Đông Hà
(GCNKH số 27 ngày 04/5/2010);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tổ HC-TP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Đàn